

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2014/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 09 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định tạm thời các thông số kỹ thuật: Hệ số độ thon thân cây (hình số f), tỉ lệ lợi dụng gỗ (gỗ dân dụng và gỗ nguyên liệu giấy) và hệ số qui đổi từ đơn vị m³ sang đơn vị ster đối với các loài keo trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 191/TTr-SNN-LN ngày 16/9/2014, về việc ban hành quy định tạm thời các thông số kỹ thuật: Hệ số độ thon thân cây (hình số f), tỉ lệ lợi dụng gỗ (gỗ dân dụng và gỗ nguyên liệu giấy) và hệ số quy đổi từ đơn vị m³ sang đơn vị ster đối với các loài keo trên địa bàn tỉnh Phú Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định quy định các thông số kỹ thuật: Hệ số độ thon thân cây (hình số f), tỉ lệ lợi dụng gỗ (gỗ dân dụng và gỗ nguyên liệu giấy), hệ số quy đổi từ đơn vị m³ sang đơn vị ster đối với các loài keo.

2. Đối tượng áp dụng: Các cá nhân, tổ chức, đơn vị thực hiện trồng, quản lý khai thác rừng trồng keo trên địa bàn Tỉnh.

Điều 2. Phê duyệt ban hành quy định tạm thời các thông số kỹ thuật: Hệ số độ thon thân cây (hình số f), tỉ lệ lợi dụng gỗ (gỗ dân dụng và gỗ nguyên liệu giấy), hệ số quy đổi từ đơn vị m³ sang đơn vị ster đối với các loài keo trên địa bàn tỉnh Phú Yên, như sau:

1. Hệ số độ thon thân cây (Hình số f): Từ 0,5 đến 0,55.

2. Tỷ lệ lợi dụng gỗ dân dụng và nguyên liệu giấy:

a) Cây có cấp kính $D_{1,3} \geq 20\text{cm}$: Tỷ lệ lợi dụng sản phẩm 85%

- Gỗ dân dụng ($D_{\text{đầu nhỏ}} \geq 15$ cm): 30%.
- Nguyên liệu giấy: 55%. Trong đó:
 - + D từ 6 đến <15 cm: 50%;
 - + D <6 cm: 05%.
- b) Cây có cấp kính $D_{1,3}$ từ 15 đến <20cm: Tỷ lệ lợi dụng sản phẩm 85%.
 - Gỗ dân dụng ($D_{\text{đầu nhỏ}} \geq 15$ cm): 15%.
 - Nguyên liệu giấy: 70%. Trong đó:
 - + D từ 6 đến <15 cm: 65%;
 - + D <6 cm: 05%.
- c) Cây có cấp kính $D_{1,3} < 15$ cm: Tỷ lệ lợi dụng sản phẩm 80%.
 - Nguyên liệu giấy: 80%. Trong đó:
 - + D từ 6 đến <15 cm: 70%;
 - + D <6 cm: 10%.

3. Hệ số quy đổi từ đơn vị tính thể tích m^3 sang đơn vị tính ster (Hệ số độ rỗng K).

- Hệ số quy đổi K_1 : $01m^3 = 1,35$ ster (còn vỏ).
- Hệ số quy đổi K_2 : $01m^3 = 1,28$ ster (đã bóc vỏ).
- Chênh lệch giữa khối lượng cả vỏ và trừ vỏ bình quân là 5%.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/10/2014./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

- Gỗ dân dụng ($D_{\text{đầu nhỏ}} \geq 15$ cm): 30%.
- Nguyên liệu giấy: 55%. Trong đó:
 - + D từ 6 đến <15 cm: 50%;
 - + D <6 cm: 05%.
- b) Cây có cấp kính $D_{1,3}$ từ 15 đến <20cm: Tỷ lệ lợi dụng sản phẩm 85%.
 - Gỗ dân dụng ($D_{\text{đầu nhỏ}} \geq 15$ cm): 15%.
 - Nguyên liệu giấy: 70%. Trong đó:
 - + D từ 6 đến <15 cm: 65%;
 - + D <6 cm: 05%.
- c) Cây có cấp kính $D_{1,3} < 15$ cm: Tỷ lệ lợi dụng sản phẩm 80%.
 - Nguyên liệu giấy: 80%. Trong đó:
 - + D từ 6 đến <15 cm: 70%;
 - + D <6 cm: 10%.

3. Hệ số quy đổi từ đơn vị tính thể tích m^3 sang đơn vị tính ster (Hệ số độ rỗng K).

- Hệ số quy đổi K_1 : $01m^3 = 1,35$ ster (còn vỏ).
- Hệ số quy đổi K_2 : $01m^3 = 1,28$ ster (đã bóc vỏ).
- Chênh lệch giữa khối lượng cả vỏ và trừ vỏ bình quân là 5%.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/10/2014./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự